

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số: 193 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 14 tháng 4 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực việc làm; bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 406/QĐ-BLĐTBXH ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 45/TTr-SLĐTBXH ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc công bố danh mục*

*thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực việc làm; bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum *(có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ: Thủ tục hành chính số 5, số 6, số 7 khoản III, mục C Danh mục kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4 *(để t/h)*;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội *(để b/c)*;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP *(để b/c)*;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh *(để c/d)*;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + CVP, Các PCVP *(để biết)*;
- + Trung tâm PVHCC tỉnh *(để t/h)*;
- + Công thông tin điện tử tỉnh *(để t/h)*;
- Viễn thông Kon Tum *(để p/h)*;
- Lưu: VT, TTHCC.LHP.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC VIỆC LÀM;  
BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 193 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (CẤP TỈNH): 02 TTHC**

| STT | Mã số TTHC                   | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                                                             | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cách thức thực hiện |            |                    |
|-----|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|--------------------|
|     |                              |                                                                                                             |                     |                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Trực tiếp           | Trực tuyến | Bưu chính công ích |
| I   | Lĩnh vực: Việc làm (02 TTHC) |                                                                                                             |                     |                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                     |            |                    |
| 1   | 1.011546.H34                 | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động | 15 ngày làm việc    | Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh | Không       | - Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;<br>- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm;<br>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số | x                   |            |                    |

|   |              |                                                                                                                         |                  |                                  |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |  |  |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|
|   |              |                                                                                                                         |                  |                                  |       | <p>61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công</p> |   |  |  |
| 2 | 1.011547.H34 | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh | 15 ngày làm việc | Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh | Không | <p>- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm;</p> <p>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày</p>                                                                                                                      | x |  |  |

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  | <p>23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (CẤP HUYỆN): 02 TTHC**

| STT | Mã số TTHC                   | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện |            |                    |
|-----|------------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------------|-------------|----------------|---------------------|------------|--------------------|
|     |                              |                                 |                     |                    |             |                | Trực tiếp           | Trực tuyến | Bưu chính công ích |
| I   | Lĩnh vực: Việc làm (02 TTHC) |                                 |                     |                    |             |                |                     |            |                    |

|   |              |                                                                                                             |                  |                                                   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |  |  |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|
| 1 | 1.011548.H34 | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động | 15 ngày làm việc | Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm;</li> <li>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ</li> </ul> | x |  |  |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|

|   |              |                                                                                                                         |                  |                                                   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |   |  |  |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|
|   |              |                                                                                                                         |                  |                                                   |       | hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |   |  |  |
| 2 | 1.011550.H34 | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh | 15 ngày làm việc | Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm;</li> <li>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia việc làm</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ</li> </ul> | x |  |  |

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                        |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  | sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (CẤP XÃ): 04 TTHC**

| STT | Mã số TTHC                         | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                                       | Thời hạn giải quyết                  | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cách thức thực hiện |            |                    |
|-----|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|--------------------|
|     |                                    |                                                                                       |                                      |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Trực tiếp           | Trực tuyến | Bưu chính công ích |
| I   | Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (04 TTHC) |                                                                                       |                                      |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |            |                    |
| 1   |                                    | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm | Thực hiện từ 01/9 đến 14/12 hàng năm | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;<br><br>- Thông tư | x                   | x          | x                  |



|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  | <p>02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;</p> <p>- Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

|   |  |                                                        |                  |                                                  |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |   |   |
|---|--|--------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|
|   |  |                                                        |                  |                                                  |       | làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   |   |
| 2 |  | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm | 15 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không | <p>- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;</p> <p>- Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021</p> | x | x | x |

|   |  |                                                                    |                  |                                               |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |   |   |
|---|--|--------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|
|   |  |                                                                    |                  |                                               |       | <p>hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;</p> <p>- Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.</p> |   |   |   |
| 3 |  | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm | 15 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp | Không | <p>- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | x | x | x |

|  |  |  |  |    |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|--|--|--|--|----|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  |  |  | xã |  | <p>Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;</p> <p>- Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|----|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

|   |  |                                                                                            |                  |                                                  |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |   |
|---|--|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|
|   |  |                                                                                            |                  |                                                  |       | biểu báo cáo;<br>- Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo. |   |   |   |
| 4 |  | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình | 15 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không | - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;                                                       | x | x | x |

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  | <p>- Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;</p> <p>- Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                             |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  | định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo. |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

**D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (CẤP XÃ): 03 TTHC**

| STT      | Mã số TTHC                                | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                               | Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (03 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1        | 2.000602.000.00.00.H34                    | Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế | Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025. |
| 2        | 1.000489.000.00.00.H34                    | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3        | 1.000506.000.00.00.H34                    | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                        |

**Tổng cộng: 11 Thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ (trong đó có 08 thủ tục mới ban hành: 02 thủ tục cấp tỉnh, 02 thủ tục cấp huyện, 04 thủ tục cấp xã; 03 thủ tục bãi bỏ cấp xã).**